

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK NÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56/NQ-HDND

Đắk Nông, ngày 14 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỶ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Xét Báo cáo số 698/BC-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, Báo cáo số 759/BC-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 tiếp thu giải trình và cập nhật, điều chỉnh một số chỉ tiêu về tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và dự kiến Kế hoạch năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đạt mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2023 nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển cho cả giai đoạn 2021-2025. Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân; tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành lĩnh vực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và đặc biệt chăm lo đời sống, sức khỏe Nhân dân. Quyết liệt và đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Phát triển giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực theo định hướng trực tiếp phục vụ cho nhu cầu sản xuất nội tỉnh, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Cùng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Điều 2. Các chỉ tiêu chủ yếu

(1) Tăng trưởng GRDP đạt 7,5%. GRDP bình quân đầu người đạt 68 triệu đồng.

(2) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt trên 21.208 tỷ đồng.

(3) Thu ngân sách nhà nước đạt trên 3.650 tỷ đồng.

(4) Kết cấu hạ tầng: Tỷ lệ nhựa hóa chung đạt 70%; tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 28%; Tỷ lệ hộ được sử dụng điện 99,2%; tỷ lệ đảm bảo nước tưới cho diện tích cần tưới đạt 83%.

(5) Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 18.200 lượt người; đào tạo nghề cho 4.000 người; 15% người lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội.

(6) Giảm nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2021-2025): Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 3% trở lên, riêng tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên.

(7) Y tế: Đạt 20,2 giường bệnh/vạn dân; đạt trên 8,5 bác sỹ/vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,75%.

(8) Giáo dục: Tăng thêm 11 trường đạt chuẩn quốc gia.

(9) Văn hóa: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị đạt 61%.

(10) Môi trường: Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; trồng rừng mới trong năm 2.000 ha; tỷ lệ che phủ rừng trên 39%.

(11) Nông thôn mới: Tăng thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới; số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt 16,8 tiêu chí trở lên; tăng thêm 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

(Chi tiết như phụ lục kèm theo)

Điều 3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản tán thành với các nhiệm vụ, giải pháp do Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp. Ngoài các nhiệm vụ, giải pháp UBND tỉnh đã nêu tại báo cáo số 689/BC-UBND và Nghị quyết số 22-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII về nhiệm vụ năm 2023, Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2023 và Kế hoạch 5 năm 2021-2025; kịp thời triển khai các chính sách của Trung ương đảm bảo phù hợp với tình hình của địa phương. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, chủ động triển khai thực hiện

đến kết quả cuối cùng các nhiệm vụ được giao. Tập trung hoàn thành Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới. Đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, nghiêm túc quán triệt tinh thần về tầm quan trọng và ý nghĩa của Chương trình, vì thời gian triển khai hoàn thành Chương trình trong năm 2023.

3. Nhiệm vụ của các ngành, lĩnh vực chủ yếu

a) Về lĩnh vực kinh tế, ngân sách

- Phần đầu hoàn thành dự toán thu năm 2023 ở mức cao nhất để đảm bảo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước; tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về điều hành ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ thu, chi. Tăng cường công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu, nhất là các nguồn thu từ đất để bố trí đầu tư hoàn thiện các dự án đang thiếu nguồn vốn. Đẩy mạnh việc xử lý và thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng dự toán được duyệt.

- Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh; tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm của tỉnh như: Quảng trường Trung tâm thành phố Gia Nghĩa để chào mừng 20 năm thành lập tỉnh, nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh, Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (giai đoạn 2)...; các dự án đầu tư từ nguồn vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Kiên quyết kịp thời điều chuyển nguồn vốn của các dự án triển khai chậm hoặc không triển khai cho các dự án khác có tỷ lệ giải ngân tốt nhằm phát huy hiệu quả công trình.

- Hoàn thiện các cơ chế chính sách thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để kịp thời triển khai 03 Chương trình và huy động các nguồn lực từ các doanh nghiệp để đầu tư phát triển kinh tế. Hỗ trợ các nhà đầu tư để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm phát huy hiệu quả các dự án lớn trên địa bàn tỉnh như: Khu Công nghiệp Nhân Cơ 2, Nhà máy luyện nhôm Trần Hồng Quân, các dự án năng lượng tái tạo...

b) Về phát triển nông, lâm nghiệp và nông thôn

- Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản gắn với chuỗi giá trị. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh có sản phẩm đã được đánh giá, xếp hạng OCOP liên kết sản xuất,

tiêu thụ theo chuỗi giá trị, sản xuất gắn với phát triển thị trường, nâng cao giá trị gia tăng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác trồng rừng hàng năm; tiến hành rà soát diện tích cây đa mục đích trên đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp đủ tiêu chí xác định thành rừng, cập nhật để tính độ che phủ rừng trong quá trình theo dõi diễn biến rừng hàng năm. Rà soát lựa chọn một số cây công nghiệp có giá trị kinh tế được tính độ che phủ, phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu của từng địa phương có cơ chế hỗ trợ, nhằm khuyến khích người dân tham gia trồng rừng theo mô hình nông, lâm kết hợp, phát triển kinh tế từ rừng, góp phần đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng theo các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh đã đề ra trong giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

c) Về quản lý tài nguyên, môi trường

- Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý đô thị, chuyển mục đích sử dụng đất phải đảm bảo đúng quy hoạch, công khai minh bạch; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định. Hoàn thành các quy hoạch chi tiết để thu hút đầu tư, đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng nhằm triển khai các dự án đầu tư trong và ngoài ngân sách.

- Tăng cường công tác quản lý các diện tích đất thu hồi từ các Công ty nông, lâm nghiệp, các dự án lâm nghiệp bàn giao về địa phương quản lý; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố khẩn trương xây dựng phương án sử dụng đất để quản lý, sử dụng hiệu quả diện tích này. Đối với diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm hoàn thành việc rà soát, để có phương án xử lý theo quy định.

- Tiếp tục rà soát thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đất đai để cải cách, đơn giản hóa các thủ tục tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân. Rà soát, thu hồi diện tích đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư mà không sử dụng theo quy định tại Điều 64 Luật Đất đai năm 2013.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với việc chấp hành pháp luật về khai thác khoáng sản của cá tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

d) Về phát triển văn hóa, du lịch

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, lễ hội phù hợp với tình hình điều kiện thực tế của từng địa phương, nhất là dịp Tết Nguyên đán và các ngày lễ lớn trong năm. Khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số như lễ hội, nghề truyền thống... Đa dạng các sản phẩm du lịch, phát triển du lịch theo hướng sinh thái kết hợp với văn hóa để khai thác

tiềm năng lợi thế của địa phương; tăng cường quảng bá các sản phẩm du lịch, xúc tiến, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động du lịch.

d) Về Y tế, giáo dục và dân tộc

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy các đơn vị sự nghiệp y tế đảm bảo cung cấp dịch vụ y tế dân số trên địa bàn; Tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nhân lực, thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế, nợ bảo hiểm y tế. Tăng cường năng lực y tế cơ sở, y tế dự phòng; xây dựng chính sách đặc thù khuyến khích phát triển nguồn nhân lực, hoàn thiện cơ chế cung ứng dịch vụ công về y tế, dân số nâng cao năng lực của tất cả các tuyến trong hệ thống y tế về khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- Xây dựng phương án, giải pháp về cơ chế, chính sách để giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu giáo viên và nợ chi trả chế độ tiền lương dạy thêm giờ tại các địa phương. Bố trí nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông mới; ưu tiên thực hiện chương trình chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên về kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các trường học; khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác đào tạo nghề, chú trọng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; xây dựng kế hoạch và triển khai chương trình đào tạo nghề chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; có giải pháp tập trung giải quyết những vấn đề bức thiết về đời sống của người dân như: hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế, giải quyết việc làm... phát huy vai trò tích cực của già làng, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền vận động, tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân để thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình đề ra. Gắn giảm nghèo với các chính sách về dân số, kế hoạch hóa gia đình, văn hóa, giáo dục, y tế. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, tỷ lệ lãnh đạo quản lý cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện tốt Đề án 03-ĐA/TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy về tạo nguồn đội ngũ cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo, đặc biệt nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tại cơ sở.

e) Về công tác cải cách hành chính, nội chính và phòng chống tham nhũng

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về công vụ, thực hiện nghiêm các quy định của của Đảng và nhà nước về tham nhũng. Kiên quyết xử lý nghiêm đối với cán bộ, công chức có hành vi tham nhũng, tiêu cực, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện nghiêm các quy định về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo; có giải pháp giải quyết dứt điểm một số vụ việc đã kéo dài nhiều năm; tăng cường đối thoại, xử lý vụ việc ngay tại cơ sở nhằm hạn chế tình trạng khiếu kiện kéo dài, vượt cấp.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác đối ngoại, quốc phòng, an ninh; tăng cường các giải pháp kiềm chế, kéo giảm số vụ vi phạm pháp luật và tội phạm, nhất là tội phạm về tin dụng đen, ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao...nhằm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả cho Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa IV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội: Chính phủ;
- UB Kinh tế của Quốc hội;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư. Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Thường trực: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm Lưu trữ - SNV;
- Các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, CTHĐ, HSKH.

CHỦ TỊCH



Luu Văn Trung

Phụ lục
XÂY DỰNG CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH năm 2023	GHI CHÚ	
A	CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ				
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (Giá SS2010)	Tỷ đồng	24.081,01		
	<i>Trong đó:</i>				
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	8.793		
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	5.002		
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	9.302		
	- Thuế trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	984		
	Tốc độ tăng trưởng	%	7,50		
	<i>Trong đó:</i>				
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	4.50		
	- Công nghiệp và xây dựng	%	12.90		
	- Dịch vụ	%	8.00		
	- Thuế trừ trợ cấp SP	%	4.40		
	2	GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	46.145	
		<i>Trong đó:</i>			
- Nông, lâm nghiệp, thủy sản		Tỷ đồng	17.362		
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	9.129		

ell

	- Dịch vụ	Tỷ đồng	17.796	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	1.857	
	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	68,00	
3	Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá hiện hành)		100	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	37.63	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	19.78	
	- Dịch vụ	%	38.57	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	%	4.03	
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội:			
	Tổng số vốn	Tỷ đồng	Trên 21.208	
5	Thu - Chi ngân sách:			
	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	Trên 3.650	
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	8.653	
6	Kết cấu -Hạ tầng			
	<i>Giao thông:</i>			
	Tỷ lệ nhựa hóa chung	%	70	
	<i>Đô thị, nhà ở</i>			
	Tỷ lệ đô thị hóa	%	Trên 28	
	Tỉ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	100	

	Bình quân m ² sàn xây dựng nhà ở tính trên một người dân	m ²	25,5	
	Tỉ lệ thu gom rác thải đô thị	%	100	
	Xây dựng nhà tình nghĩa, nhà người có công từ quỹ đền ơn đáp nghĩa	Nhà	13	
	Cấp điện:			
	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	99,2	
	Tỷ lệ bon, buôn có điện	%	100	
	Nông nghiệp, thủy lợi:			
	Tỉ lệ đảm bảo nước tưới cho diện tích cần tưới	%	83	
	Tỉ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	93	
	Thương mại, dịch vụ, XNK (theo dõi):			
	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	21.241	
	Doanh thu du lịch tăng bình quân hàng năm	%		
7	Số khách du lịch tăng bình quân hàng năm	%	20	
	Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	1.271	
	Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	250	
	Nông nghiệp (theo dõi):			
8	Giá trị sản xuất bình quân trên/01 ha đất nông nghiệp	Triệu đồng	92	
	Diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến (CNC)	ha	3.000	

9	Công nghiệp (theo dõi):			
	Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP	%	9	
10	Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, TTTC (theo dõi):			
	Chỉ số PCI		Tăng từ 1-2 bậc	
	Chỉ số PAPI		Nhóm TB	
	Chỉ số PAR Index		Nhóm TB	
B	CHỈ TIÊU VỀ VĂN HOÁ, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG			
11	Lao động và việc làm:			
	Số lao động được tạo việc làm	Người	18.200	
	Đào tạo nghề	Người	4.000	
	Tỉ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%	15	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	48	
12	Giảm nghèo:			
	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Giảm từ 3% trở lên	
	Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	%	Giảm từ 5% trở lên	
13	Dân số			
	Dân số trung bình	Người	678.616	
	Phần đầu đạt mức sinh (số con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ)		2.44	
14	Y tế:			
	Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	20,2	
	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	Trên 8,5	
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	92,75	

	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	%	26,7	
	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm của trẻ em dưới 5 tuổi	%	5,3	
	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%	≥95	
15	Giáo dục:			
	Số trường đạt chuẩn quốc gia hàng năm	Trường	11	
16	Văn hóa:			
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị	%	61	
	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	87	
	Tỷ lệ thôn, bon, buôn văn hóa	%	90	
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa	%	96	
17	Môi trường:			
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Trên 39	
	Trồng rừng mới	ha	2.000	
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn thông thường	%	76	
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế, độc hại	%	90	
18	Nông thôn mới:			
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	Tăng thêm 2 xã	
	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí	16,8	
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao		2	